TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN THÀNH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2019/DSST Ngày: 17/10/2019. *V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Trịnh Thị Yến.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17/10/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2017/TLST - DS ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐST- DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957. (Có mặt)

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ng, huyện Th, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1955. (Có mặt)

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ng, huyện Th, tỉnh B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ng, huyện Th, tỉnh B.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã Q, tỉnh Q.

- Chị Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Trường cao đẳng th Việt Nam, thị trấn Ch, huyện H, tỉnh Q.

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ng, huyện Th, tỉnh B.

- Anh Nguyễn Xuân Tr1, sinh năm 1979. Hiện đang công tác tại Điện lực Q, tỉnh B.

- Anh Nguyễn Xuân Tr2, sinh năm 1982. Hiện đang công tác tại Điện lực Th, tỉnh B.

- Anh Nguyễn Xuân Tr3, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ng, huyện Th, tỉnh B.

- Anh Nguyễn Xuân Tr4, sinh năm 1984; Hiện đang công tác tại Điện lực Y, tỉnh B.

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ng, huyện Th, tỉnh B.

(Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M trình bày:

Gia đình ông, bà với gia đình nhà ông Nguyễn Xuân Tr, bà Nguyễn Thị L là hàng xóm giáp ranh nhau. Gia đình ông, bà có thửa đất số 264, tờ bản đồ số 7, diện tích 130m^2 tại Thôn Đ, xã Ng, huyện Th, tỉnh B. Về nguồn gốc thửa đất là do ông, bà mua của UBND xã Ng từ năm 1991 với giá 630.000 đồng. Khi ông, bà mua của UBND xã Ng thì diện tích thửa đất là 130m^2. Đến nay việc mua bán với UBND xã Ng không còn giấy tờ gì vì ông, bà đã nộp toàn bộ giấy tờ cho UBND xã để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2009 ông, bà được UBND huyện Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn B.

Sau khi mua đất, ông, bà xây nhà và ở luôn trên thửa đất này tuy nhiên đến năm 2010 thì xảy ra tranh chấp với gia đình ông Tr, bà L. Nguyên nhân là do gia đình ông Tr, bà L khi xây nhà đã xây dựng tường ngăn cách với gia đình ông, bà nhưng sau đó lại dỡ tường ra xây lại một dãy công trình phụ lấn sang nhà ông, bà do vậy gia đình ông, bà và ông Tr, bà L đã xảy ra xô xát vài lần.

Năm 2012 ông Tr, bà L xây một nhà vệ sinh có diện tích khoảng 2m^2 sang hẳn phần đất nhà ông, bà nên giữa ông, bà và ông Tr, bà L lại xảy ra tranh chấp với nhau.

Ngày 26/11/2015 gia đình ông Tr, bà L đã cho máy xúc ngang nhiên xúc đất ở phần đất nhà ông, bà để mở cổng đi. Do vậy ông, bà đã làm đơn đề nghị địa phương giải quyết. Quá trình giải quyết địa phương đã hò a giải rất nhiều lần, ông Tr cam kết sẽ dỡ nhà vệ sinh để trả lại đất cho gia đình ông, bà nhưng sau đó ông Tr, bà L vẫn không dỡ.

Nay ông B, bà M đề nghị Tòa án buộc ông Tr, bà L phải trả lại ông, bà phần diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình ông, bà khoảng 30m^2. Cụ thể phần đất có tứ cận như sau: Hướng Nam giáp nhà ông Tr khoảng 15m; Hướng Đông giáp đướng đi của xóm khoảng 1m; Hướng Bắc giáp đường tỉnh lộ khoảng 7m; Hướng Tây giáp nhà bà C khoảng 2m.

Tuy nhiên sau khi có kết quả đo đạc của Tòa án ngày 05/6/2019 ông B, bà M đã thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ông B, bà M đề nghị Tòa án buộc ông Tr, bà L phải trả lại ông, bà 11,3m^2 đất mà ông Tr, bà L đã lấn chiếm của ông, bà. Cụ thể: Hướng Nam giáp nhà ông Tr dài 11,96m; hướng Đông giáp đất của gia đình ông, bà dài 3,78m, hướng Tây giáp nhà bà C dài 1,98m, phía Bắc giáp đường tỉnh lộ dài 4,41m. Trên phần đất này có 01 nhà vệ sinh lợp prôximăng khoảng 2m^{2}do bà L xây.

Bị đơn là ông Nguyễn Xuân Tr, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Thửa đất gia đình ông, bà đang ở giáp với thửa đất gia đình ông B, bà M và có tứ cận giáp ranh như sau : Hướng nam giáp với nhà ông Đ ; Hướng đông giáp đường đi của thôn ; Hướng tây giáp nhà bà C ; Hướng bắc giáp nhà ông B bà M. Hiện tại, các hướng giáp nhà ông Đ , giáp đường đi của thôn và giáp nhà bà C không có tranh chấp gì.

Về nguồn gốc thửa đất mà gia đình ông, bà đang ở là do ông, bà mua của UBND xã Ng từ năm 1989 với giá 1.500.000đồng nhưng đến nay việc mua bán với UBND xã Ng không còn giấy tờ gì . Khi mua thì diện tích thửa đất khoảng hơn 200m^2, sau đó ông, bà xây nhà luôn trong năm 1989. Khi đó thửa đất của gia đình ông, bà có cổng đi từ đường cầu Gáy đi thương binh phủ. Năm 1995 ông, bà mới mở cổng phía đông đi theo phần đất của gia đình ông, bà, lúc này thì cổng đi từ cầu Gáy trở thành cổng phụ.

Năm 1990, bà L mua ông Nguyễn Văn H (lúc đó là cán bộ địa chính xã) cái cổng hậu phụ nhô lên đường với giá 50.000 đồng, cụ thể bao nhiêu mét vuông thì bà không để ý. Hiện tại vẫn còn trụ cổng. Khi mua bà và ông H không viết giấy tờ gì mà bà chỉ đưa tiền cho ông H và ông H chỉ cái cổng cho gia đình bà sử dụng.

Năm 1995, địa phương tiến hành đo đạc thì giữa gia đình ông, bà và những hộ gia đình giáp ranh không có tranh chấp gì với nhau . Lúc đó bà L cũng chỉ cho các cán bộ đo đạc là nhà bà có cổng nhô lên đường còn họ có đo hay không thì bà không biết.

Năm 2009 UBND huyện Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà. Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi rõ là thửa đất số 265, tờ bản đồ số 7 diện tích 208m^2 (mang tên bà Nguyễn Thị L). Tuy nhiên khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông, bà không để ý diện tích là bao nhiêu m^2.

Năm 2016, khi địa phương làm đường bê tông từ cầu Gáy đi Thương binh phủ thì ông B, bà M làm đơn khởi kiện yêu cầu ông, bà phải trả lại diện tích 30m^2 (có hướng Đông bắc giáp với nhà ông, bà dài 15m, hướng Đông nam giáp với đường đi của xóm dài 1m, hướng Tây bắc dọc trục đường Đại Đồng đi Phủ , Ninh Xá dài 7m, hướng Tây nam giáp nhà bà C dài 2m), ông, bà không đồng ý vì ông, bà không lấn chiếm sang đất nhà ông B, bà M.

Theo yêu cầu của nguyên đơn , Tòa án đã tiến hành định giá tài sản đối với phần diện tích đất đang tranh chấp như sau : Phần diện tích đất đang tranh chấp khoảng 30m ^{2} thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 7 tại thôn Đ, xã Ng, huyện Th, tỉnh B có giá trị 8.000.000đ/1m^2.

30m^2 x 8.000.000đ/1m^2 = 240.000.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để các bên thỏa thuận với nhau nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay ông B, bà M đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Tr, bà L phải trả lại ông, bà phần diện tích đất 11,3m^2 mà ông Tr, bà L đã lấn của gia đình ông, bà. Cụ thể: Hướng Nam giáp nhà ông Tr dài 11,96m; hướng Đông giáp đất của gia đình ông, bà dài 3,78m, hướng Tây giáp nhà bà C dài 1,98m, phía Bắc giáp đường tỉnh lộ dài 4,41m).

Ông Nguyễn Xuân Tr trình bày: Bà L có việc bận nên không tham gia phiên tòa nhưng bà L và ông đã nhất trí trả lại ông B, bà M phần đất có diện tích đất 11,3m^2 này.

Anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Lệ H (là các con của ông B, bà M), đề nghị vắng mặt. Tại bản tự khai anh H, chị H, chị H đều xác nhận thửa đất và tài sản trên đất là tài sản của bố mẹ các anh, chị mua, các anh, chị không có công sức gì đóng góp do vậy các anh, chị không liên quan gì đến tài sản này nên các anh, chị không có yêu cầu gì. Các anh, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Xuân Tr1, anh Nguyễn Xuân Tr2, anh Nguyễn Xuân Tr3, anh Nguyễn Xuân Tr4, anh Nguyễn Văn Đ (là các con của ông Tr, bà L) đề nghị vắng mặt. Tại bản tự khai chị N, anh Tr1, anh Tr2, anh Tr3, anh Tr4, anh Đ đều xác nhận thửa đất và tài sản trên đất là tài sản của bố mẹ các anh, chị mua do vậy mọi vấn đề liên quan đến tài sản này do bố mẹ các anh, chị quyết định.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, các đương sự là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự ; Điều 6, 12, 166, 170, 203 Luật đất đai 2013; Điều 26, Điều 144, 147, 157, 165, khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Nguyễn Xuân Tr, bà Nguyễn Thị L phải trả lại ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M phần đất diện tích 11,3m^2 mà gia đình ông Tr, bà L đã lấn chiếm của ông B, bà M. (Theo kết quả đo đạc ngày 05/6/2019 của Tòa án.)

Về án phí, chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Các đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong đơn khởi kiện ông B, bà M đề nghị Tòa án buộc ông Tr, bà L phải trả lại ông, bà phần diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình ông , bà khoảng 30m^2. Cụ thể phần đất có tứ cận như sau : Hướng Nam giáp nhà ông Tr khoảng 15m; Hướng Đông giáp đướng đi của x óm khoảng 1m; Hướng Bắc giáp đường tỉnh lộ khoảng 7m; Hướng Tây giáp nhà bà C khoảng 2m.

Sau khi có kết quả đo đạc của Tòa án ngày 05/6/2019 ông B, bà M đã thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ông B, bà M đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Tr, bà L phải trả lại ông, bà phần diện tích đất 11,3m^2 mà gia đình ông Tr, bà L đã lấn của ông, bà. Cụ thể: Hướng Nam giáp nhà ông Tr dài 11,96m; hướng Đông giáp đất của gia đình ông, bà dài 3,78m, hướng Tây giáp nhà bà C dài 1,98m, phía Bắc giáp

đường tỉnh lộ dài 4,41m. Trên phần đất này có 01 nhà vệ sinh lợp prôximăng do bà L xây.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy:

* Theo bản đồ địa chính năm 1995 thì thửa đất của gia đình ông B, bà M có diện tích 130m^2 và có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường tỉnh lộ 281 dài 23,6m; Phía Nam giáp nhà ông Tr, bà L dài 15,34m; Phía Đông giáp đường của xóm dài 14,37m (10,22m+ 4,15m); Phía Tây giáp nhà bà Nguyễn Thị C dài 1,94m. Và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Th cấp ngày 29/9/2009 mang tên ông Nguyễn Văn B thì thửa đất của ông B thuộc tờ bản đồ số 7, số thửa 264, diện tích 130m^2 tại Thôn Đ, xã Ng, huyện Th, tỉnh B.

* Theo bản đồ địa chính năm 1995 thì thửa đất của gia đình bà L có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất của ông B dài 15,34m; Phía Nam giáp đất nhà ông B dài 13,18m; Phía Đông giáp đường của xóm dài 17,75m; Phía Tây giáp nhà bà Nguyễn Thị C dài 12,11m. Và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện Th cấp ngày ngày 25/11/2009 mang tên bà Nguyễn Thị L thì thửa đất của bà L thuộc tờ bản đồ số 7, số thửa 265, diện tích 208m^2 tại Thôn Đ, xã Ng, huyện Th, tỉnh B.

* Như vậy căn cứ vào kết quả đo đạc hiện trạng so với bản đồ địa chính thì thửa đất số 264 mang tên ông B có diện tích 141,5m^2 và có tứ cận: Phía Bắc giáp đường đi xã Ninh Xá (đường tỉnh lộ 281) dài 21,1m (5,01m+ 13,36m + 2,83m); Phía Nam giáp thửa đất nhà bà L dài 15,81m (đoạn CE (9m) + 3,28m + 3,53); Phía Đông giáp đường đi của xóm dài 12,07m (1,78m + 1,74m + 1,32m+ 2,79m + 1,95m + 1,31m); Phía Tây giáp phần đất đang tranh chấp với gia đình bà L dài 5,14m (đoạn CB (3,78m) + BB1 (1,31m) + CC1 (0,05m)).

Thửa đất số 265 mang tên bà L có diện tích 265,4m^2 và có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất nhà ông B dài 18,69m (2,88m + 9m + 3,28m + 3,33m); Phía Nam giáp thửa đất nhà ông B dài 17,08m (13,18m + 3,90m); Phía Đông giáp đường đi của xóm dài 18,37m (12,43m + 5,94m); Phía Tây giáp với thửa đất nhà bà Nguyễn Thị C dài 12,44m.

Như vậy căn cứ vào kết quả đo đạc hiện trạng so với diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông B, bà L đã được cấp thì diện tích thửa đất số 264 mang tên ông Nguyễn Văn B và thửa đất số 265 mang tên bà Nguyễn Thị L đều thừa. Tuy nhiên khi đối chiếu kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 264 mang tên ông Nguyễn Văn B và thửa đất số 265 mang tên bà Nguyễn Thị L so với bản đồ địa chính thì phần đất gia đình bà L đang sử dụng có lấn sang thửa đất số 264 của ông B phần đất có diện tích 11,3m^2. Phần diện tích đất này có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường thuộc phần đất gia đình ông B đang sử dụng (đoạn AB) dài 4,41m; Phía Nam giáp thửa đất gia đình bà L đang sử dụng (đoạn FE) dài 11,96m; Phía Đông giáp phần đất gia đình ông B đang sử dụng (đoạn BC) dài 3,78m; Phía Tây giáp với thửa đất bà Nguyễn Thị C đang sử dụng (đoạn ADF) dài 1,98m (1,65m + 0,33m).

Từ những căn cứ trên đây, HĐXX xét thấy ông B, bà M đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Tr, bà L phải trả lại ông , bà phần diện tích đất 11,3m^2 mà gia đình

ông Tr, bà L đã lấn của ông, bà là có căn cứ và hợp pháp nên cần chấp nhận. Hơn nữa tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Xuân Tr trình bày: Vợ ông là bà L có việc bận nên không tham gia phiên tòa nhưng khi ở nhà ông và bà L đã nhất trí trả lại ông B, bà M phần đất có diện tích đất 11,3m^2. HĐXX xét thấy mặc dù tại phiên tòa hôm nay ông Tr đồng ý trả lại ông B, bà M phần diện tích 11,3m^2 đất đang tranh chấp giữa hai gia đình nhưng do bà L vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản thể hiện ý kiến của bà L do vậy HĐXX không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự mà cần buộc ông Tr, bà L phải trả lại ông B, bà M 11,3m^2 theo như yêu cầu của ông B, bà M.

Đối với 01 nhà vệ sinh lợp prôximăng khoảng 2m^2 do bà L xây trên phần đất tranh chấp do không còn giá trị và phía bị đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Liên quan trong vụ án này còn có anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Lệ H (là các con của ông B, bà M); Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Xuân Tr1, anh Nguyễn Xuân Tr2, anh Nguyễn Xuân Tr3, anh Nguyễn Xuân Tr4, anh Nguyễn Văn Đ (là các con của ông Tr, bà L). Các anh, chị đều xác nhận thửa đất và tài sản trên đất là tài sản của bố mẹ các anh, chị mua do vậy mọi vấn đề liên quan đến tài sản này do bố mẹ các anh, chị quyết định do vậy HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết

[4] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Số tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định và định giá tài sản là ngày 14/5/2018 là 8.000.000đồng. Chi phí xem xét thẩm định ngày 05/6/2019 là 5.000.000đồng. Tổng số là 13.000.000đồng.

Trong đơn khởi kiện ông B, bà M đề nghị Tòa án buộc ông Tr, bà L phải trả lại khoảng 30m^2 đất. Tuy nhiên sau khi có kết quả đo đạc xác định ông Tr, bà L chỉ phải trả ông B, bà M 11,3m^2. Do vậy ông B, bà M phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tương ứng với 18,7m^2 (30m^2- 11,3m^2) đất không được chấp nhận là 8.104.000đồng (đã làm tròn số)

Ông Tr, bà L phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tương ứng với 11,3m^2 đất phải trả ông B, bà M là 4.896.000đồng (đã làm tròn số)

Ông Tr, bà L phải hoàn trả ông B, bà M số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá là 4.896.000đồng

[5] Về án phí: Ông Tr, bà L phải chịu 4.520.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự. Điều 6, 12, 166, 170, 203 Luật đất đai.

Căn cứ Điều 26, Điều 144, 147, 157, 165, khoản 2 Điều 227, 228, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M.

2. Buộc ông Nguyễn Xuân Tr, bà Nguyễn Thị L phải trả ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M phần đất có diện tích 11,3m^2 (phần đất này có ký hiệu

ABCEFDA trên sơ đồ) và có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 7 của gia đình ông B đang sử dụng (đoạn AB) dài 4,41m; Phía Nam giáp thửa đất số 265, diện tích 208m^2 gia đình bà L đang sử dụng (đoạn FE) dài 11,96m; Phía Đông giáp phần đất gia đình ông B đang sử dụng (đoạn BC) dài 3,78m; Phía Tây giáp với thửa đất bà Nguyễn Thị C đang sử dụng (đoạn ADF) dài 1,98m (1,65m + 0,33m).

(Theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất so với bản đồ địa chính kèm theo)

3. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản:

Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M phải chịu 8.104.000đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Ông Nguyễn Xuân Tr, bà Nguyễn Thị L phải chịu 4.896.000đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Xác nhận ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M đã nộp 13.000.000đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Ông Nguyễn Xuân Tr, bà Nguyễn Thị L phải hoàn trả ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M 4.896.000đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự giác chấp hành thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân Tr, bà Nguyễn Thị L phải chịu 4.520.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2012/01182 ngày 12/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Thuận Thành;
- THADS huyện Thuận Thành;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu